

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao bổ sung Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG GIA LAI

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 04/10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc bổ sung có mục tiêu năm 2025 cho các đơn vị, địa phương để chi trả chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai bị tác động, ảnh hưởng của việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 để thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai bị tác động, ảnh hưởng của việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, số tiền: 4.227.000.000 đồng. Bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu đồng.

(Chi tiết theo các mẫu biểu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính Sở, Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách được giao dự toán và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN KV XV;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC (Dung).

Phm
GIÁM ĐỐC

Thanh
Cao Thanh Thương

Sở Nông nghiệp và Môi trường Gia Lai
Chương: 412

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày / 10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Tổng số	Đơn vị sử dụng ngân sách					
				Cơ quan Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường Gia Lai	Chi cục Phát triển nông thôn	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Chi cục Thủy lợi	Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới	Chi cục Kiểm lâm
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		4.227.000.000	1.236.000.000	144.000.000	108.000.000	324.000.000	60.000.000	699.000.000
I	Chi Quản lý nhà nước (Loại 340 - khoản 341)		3.867.000.000	1.236.000.000	144.000.000	108.000.000	324.000.000	60.000.000	699.000.000
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0						
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		3.867.000.000	1.236.000.000	144.000.000	108.000.000	324.000.000	60.000.000	699.000.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	3.867.000.000	1.236.000.000	144.000.000	108.000.000	324.000.000	60.000.000	699.000.000
II	Chi sự nghiệp		360.000.000	0	0	0	0	0	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0	0	0	0	0	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		360.000.000	0	0	0	0	0	0
1	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280- Khoản 281)		180.000.000	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0						
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		180.000.000	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	180.000.000						
2	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280- Khoản 314)		180.000.000	0	0	0	0	0	0
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		180.000.000	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	180.000.000						
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước			1047492	1085169	1104496	1047401	1110140	1010495
	Mã hiệu Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch			2011	2011	2011	2011	2011	2011

DỰ TOÁN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Tổng số	Đơn vị sử dụng ngân sách					
				Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Chi cục Trồng trọt và BVTV	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Chuyển đổi số Nông nghiệp và môi trường	Trung tâm Khuyến nông
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		4.227.000.000	72.000.000	540.000.000	192.000.000	492.000.000	180.000.000	180.000.000
I	Chi Quản lý nhà nước (Loại 340 - khoản 341)		3.867.000.000	72.000.000	540.000.000	192.000.000	492.000.000	0	0
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0						
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		3.867.000.000	72.000.000	540.000.000	192.000.000	492.000.000	0	0
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	3.867.000.000	72.000.000	540.000.000	192.000.000	492.000.000		
II	Chi sự nghiệp		360.000.000	0	0	0	0	180.000.000	180.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0	0	0	0	0	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		360.000.000	0	0	0	0	180.000.000	180.000.000
1	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280- Khoản 281)		180.000.000	0	0	0	0	0	180.000.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0						
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		180.000.000	0	0	0	0	0	180.000.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	180.000.000						180.000.000
2	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280- Khoản 314)		180.000.000	0	0	0	0	180.000.000	0
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		180.000.000	0	0	0	0	180.000.000	0
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	180.000.000					180.000.000	
	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước			1079039	1072921	1093017	1119229	1072894	1079040
	Mã hiệu Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch			2011	2011	2011	2011	2011	2011

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Cơ quan Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai
- MSSDNS: 1047492

Mã KBNN nơi giao dịch: 2011

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày / 10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán kinh phí năm 2025	Ghi chú
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		1.236.000.000	
1	Chi Quản lý nhà nước (Loại 340 - khoản 341)		1.236.000.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		1.236.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	1.236.000.000	

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Phát triển nông thôn - MSSDNS: 1085169

Mã KBNN nơi giao dịch: 2011

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày / 10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Dvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán kinh phí năm 2025	Ghi chú
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		144.000.000	
1	Chi Quản lý nhà nước (Loại 340 - khoản 341)		144.000.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		144.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	144.000.000	

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản - MSSDNS: 1104496

Mã KBNN nơi giao dịch: 2011

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày / 10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Dvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán kinh phí năm 2025	Ghi chú
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		108.000.000	
1	Chi Quản lý nhà nước (Loại 340 - khoản 341)		108.000.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		108.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	108.000.000	

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025
Đơn vị: Chi cục Thủy lợi - MSSDNS: 1047401
Mã KBNN nơi giao dịch: 2011

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày / 10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Dvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán kinh phí năm 2025	Ghi chú
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		324.000.000	
1	Chi Quản lý nhà nước (Loại 340 - khoản 341)		324.000.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		324.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	324.000.000	

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới - MSSDNS: 1110140
Mã KBNN nơi giao dịch: 2011

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày / 10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán kinh phí năm 2025	Ghi chú
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		60.000.000	
1	Chi Quản lý nhà nước (Loại 340 - khoản 341)		60.000.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		60.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	60.000.000	

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025
Đơn vị: Chi cục Kiểm Lâm - MSSDNS: 1010495
Mã KBNN nơi giao dịch: 2011

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày / 10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Dvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán kinh phí năm 2025	Ghi chú
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		699.000.000	
1	Chi Quản lý nhà nước (Loại 340 - khoản 341)		699.000.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		699.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	699.000.000	

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025
Đơn vị: Chi cục Chăn nuôi và Thú y - MSSDNS: 1079039
Mã KBNN nơi giao dịch: 2011

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày / 10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Dvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán kinh phí năm 2025	Ghi chú
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		72.000.000	
1	Chi Quản lý nhà nước (Loại 340 - khoản 341)		72.000.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		72.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	72.000.000	

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - MSSDNS: 1072921

Mã KBNN nơi giao dịch: 2011

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày / 10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Dvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán kinh phí năm 2025	Ghi chú
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		540.000.000	
1	Chi Quản lý nhà nước (Loại 340 - khoản 341)		540.000.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		540.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	540.000.000	

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Bảo vệ Môi trường - MSSDNS: 1093017

Mã KBNN nơi giao dịch: 2011

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày / 10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Dvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán kinh phí năm 2025	Ghi chú
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		192.000.000	
1	Chi Quản lý nhà nước (Loại 340 - khoản 341)		192.000.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		192.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	192.000.000	

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Quản lý đất đai - MSSDNS: 1119229

Mã KBNN nơi giao dịch: 2011

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày / 10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)
Đvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán kinh phí năm 2025	Ghi chú
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		492.000.000	
1	Chi Quản lý nhà nước (Loại 340 - khoản 341)		492.000.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		492.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	492.000.000	

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Chuyển đổi số Nông nghiệp và môi trường - MSSDNS: 1072894

Mã KBNN nơi giao dịch: 2011

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày /10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán kinh phí năm 2025	Ghi chú
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		180.000.000	
1	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280- Khoản 314)		180.000.000	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		180.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	180.000.000	

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Khuyến nông - MSSDNS: 1079040

Mã KBNN nơi giao dịch: 2011

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày /10 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi Trường)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán kinh phí năm 2025	Ghi chú
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025		180.000.000	
1	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280- Khoản 281)		180.000.000	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		180.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2025/NQHĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh	15	180.000.000	